

- Tổ chức nghiên cứu, huấn luyện, đào tạo kế toán trưởng, kế toán viên và cán bộ quản lý về các quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam về công tác kế toán, kiểm toán đối với doanh nghiệp, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài và hệ thống chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

- Chuẩn bị tốt các điều kiện vật chất về hệ thống kế toán, sổ kế toán, xây dựng hoặc sửa đổi phần mềm vi tính cho phù hợp với việc áp dụng chế độ kế toán Việt Nam.

11. Các cơ quan chức năng quản lý nhà nước, các Cục Thuế địa phương phải tham gia tích cực trong việc hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra các doanh nghiệp, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài thuộc diện quản lý nhằm thực hiện đầy đủ theo quy định hiện hành về công tác kế toán, kiểm toán đối với các doanh nghiệp, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài.

12. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

TRẦN VĂN TÁ

THÔNG TƯ số 157/1998/TT-BTC ngày 12/12/1998 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động tín dụng, ngân hàng.

Căn cứ vào Luật Thuế giá trị gia tăng số 02/1997/QH9 ngày 10/5/1997;

Căn cứ vào Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng;

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/1998/TT-BTC ngày 27/6/1998 hướng dẫn thi hành Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ vào đặc thù kinh doanh của các tổ chức tín dụng ngân hàng, Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành thuế giá trị gia tăng đối với các hoạt động này như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG CHỊU THUẾ, ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG, ĐỐI TƯỢNG NỘP THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1. Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng là các hoạt động kinh doanh như sau:

- Dịch vụ tín dụng ngân hàng và ngân quỹ bao gồm:

+ Mở tài khoản.

+ Dịch vụ chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá trị khác (bao gồm cả tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu và giấy tờ có giá trị).

+ Dịch vụ bảo lãnh có thu phí (bao gồm cả bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh dự thầu và các hình thức bảo lãnh khác).

+ Dịch vụ thanh toán gồm:

* Cung ứng các phương tiện thanh toán,

* Thực hiện các dịch vụ thanh toán cho khách hàng,

* Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế,

* Thực hiện các dịch vụ thu hộ chi hộ, chuyển tiền, kiều hối,

* Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác.

+ Nghiệp vụ ủy thác và đại lý dưới hình thức: ủy thác, nhận ủy thác làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến các hoạt động ngân hàng, kể cả quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân theo hợp đồng.

+ Các dịch vụ liên quan đến hoạt động ngân hàng như bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá; cho thuê tủ két; cầm đồ.

+ Các hoạt động dịch vụ khác:

- Kinh doanh mua bán ngoại tệ;
- Kinh doanh vàng, bạc, đá quý.

2. Đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng đối với lĩnh vực thuế được quy định là hoạt động cho vay vốn, cho thuê tài chính của các tổ chức ngân hàng, tín dụng, công ty tài chính, quỹ đầu tư và hoạt động chuyển nhượng vốn theo pháp luật.

3. Đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng: là các tổ chức, cá nhân được phép hoạt động tín dụng ngân hàng phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các tổ chức khác có hoạt động tương tự, sau đây gọi chung là tổ chức tín dụng.

II. PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1. Phương pháp khấu trừ thuế: Phương pháp khấu trừ thuế được áp dụng đối với hoạt động dịch vụ ngân hàng (trừ kinh doanh mua, bán ngoại tệ, vàng bạc, đá quý...).

Thuế giá trị gia tăng phải nộp	=	Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ
		(1)		(2)

Trong đó:

(1) Thuế giá trị gia tăng đầu ra được xác định bằng giá tính thuế nhân (x) với thuế suất thuế giá trị gia tăng 10%. Giá tính thuế giá trị gia tăng là giá chưa có thuế được ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng.

Các tổ chức tín dụng khi cung ứng dịch vụ phải xuất hóa đơn giá trị gia tăng ghi rõ giá dịch vụ chưa có thuế, thuế giá trị gia tăng và tổng số tiền người mua phải thanh toán. Trường hợp trong tháng có phát sinh dịch vụ nhiều lần cho một khách hàng thì lập bảng kê theo dõi để cuối tháng xuất một hóa đơn giá trị gia tăng.

(2) Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ là số thuế giá trị gia tăng đầu vào được xác định trên các hóa đơn giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào dùng cho hoạt động kinh doanh dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng. Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng phát sinh trong tháng nào thì được tổng hợp kê khai tính khấu trừ ngay trong tháng đó.

Đối với đơn vị có doanh thu hàng hóa, dịch vụ chịu thuế (doanh thu dịch vụ ngân hàng) và doanh thu hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng (doanh thu thu lãi) đơn vị phải hạch toán riêng thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho hoạt động chịu thuế để xác định thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ. Trường hợp đơn vị không hạch toán riêng được thì áp dụng phương pháp phân bổ thuế đầu vào theo tỷ lệ trên tổng doanh thu. Tổng doanh thu bao gồm doanh thu của dịch vụ ngân hàng, doanh thu thu lãi tiền vay, tiền gửi và chênh lệch của hoạt động mua bán ngoại tệ, kinh doanh vàng bạc, đá quý.

Ví dụ 1: Ngân hàng thương mại A trong kỳ tính thuế có các số liệu sau:

- Thu lãi tiền vay, tiền gửi (doanh thu dịch vụ không chịu thuế) :	17.000 triệu đồng
- Chênh lệch mua bán ngoại tệ, vàng bạc (doanh thu này không chịu thuế theo phương pháp khấu trừ) :	1.000 triệu đồng
- Thu dịch vụ ngân hàng (doanh thu dịch vụ chịu thuế) :	2.000 triệu đồng
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra của dịch vụ ngân hàng (10%) :	200 triệu đồng
- Thuế giá trị gia tăng đầu vào dùng cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế :	1.800 triệu đồng

Giả định ngân hàng không hạch toán riêng được thuế giá trị gia tăng đầu vào của hoạt động chịu thuế và hoạt động không chịu thuế. Theo quy định trên ta có:

Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ của hoạt động chịu thuế được tính như sau:

+ Xác định tỷ lệ doanh số dịch vụ chịu thuế giá

trị gia tăng trên tổng doanh số dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế:

$$\frac{2.000 \text{ triệu đồng}}{(17.000 \text{ tr.đ} + 1.000 \text{ tr.đ} + 2.000 \text{ tr.đ})} \times 100 = 10\%$$

+ Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ:

$$1.800 \text{ triệu đồng} \times 10\% = 180 \text{ triệu đồng.}$$

+ Thuế giá trị gia tăng phải nộp của dịch vụ ngân hàng là:

$$200 \text{ triệu đồng} - 180 \text{ triệu đồng} = 20 \text{ triệu đồng.}$$

Trường hợp thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ, tài sản cố định mua vào trong kỳ hạch toán riêng được một phần dùng cho dịch vụ chịu thuế, một phần dùng cho dịch vụ không chịu thuế, phần thuế giá trị gia tăng đầu vào còn lại sử dụng chung cho dịch vụ chịu thuế và dịch vụ không chịu thuế thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với dịch vụ chịu thuế được xác định bằng số thuế đầu vào của hàng hóa, dịch vụ mua vào dùng trực tiếp cho hoạt động dịch vụ chịu thuế cộng (+) số thuế đầu vào sử dụng chung được phân bổ như trường hợp nêu trên.

Ví dụ 2: Tiếp theo ví dụ 1, giả định trong tổng số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ mua vào là 1.800 triệu đồng, ngân hàng hạch toán riêng được như sau:

- Dùng cho dịch vụ chịu thuế là: 20 triệu đồng.
- Dùng cho dịch vụ không chịu thuế là: 100 triệu đồng.
- Dùng chung cho 2 dịch vụ trên là: 1.680 triệu đồng.

Theo quy định trên, thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ và thuế phải nộp của dịch vụ ngân hàng xác định được:

+ Thuế giá trị gia tăng hạch toán riêng cho dịch vụ chịu thuế là: 20 triệu đồng.

+ Thuế giá trị gia tăng phần hạch toán chung phân bổ cho dịch vụ chịu thuế:

$$1.680 \text{ triệu đồng} \times 10\% = 168 \text{ triệu đồng.}$$

+ Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ của dịch vụ chịu thuế:

$$168 \text{ triệu đồng} + 20 \text{ triệu đồng} = 188 \text{ triệu đồng}$$

+ Thuế giá trị gia tăng phải nộp của dịch vụ ngân hàng:

$$200 \text{ triệu đồng} - 188 \text{ triệu đồng} = 12 \text{ triệu đồng.}$$

2. Phương pháp tính thuế trực tiếp trên giá trị gia tăng: Phương pháp này áp dụng đối với hoạt động kinh doanh ngoại tệ; vàng, bạc, đá quý.

Đối với các tổ chức tín dụng vừa có hoạt động tín dụng, dịch vụ ngân hàng, vừa kinh doanh mua bán vàng bạc, đá quý, ngoại tệ và các hàng hóa dịch vụ khác, thì phải tính riêng thuế giá trị gia tăng phải nộp đối với kinh doanh mua bán vàng bạc, đá quý, ngoại tệ theo phương pháp tính thuế trực tiếp trên giá trị gia tăng.

Thuế giá trị gia tăng phải nộp đối với kinh doanh mua bán vàng bạc, đá quý, ngoại tệ được xác định bằng (=) giá trị gia tăng nhân (x) thuế suất.

Trong đó:

$$\text{Giá trị gia tăng} = \begin{matrix} \text{Doanh số bán} \\ \text{ra vàng, bạc,} \\ \text{đá quý, ngoại} \\ \text{tệ} \\ \text{(A)} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Doanh số mua vào} \\ \text{tương ứng của vàng,} \\ \text{bạc, đá quý, ngoại} \\ \text{tệ bán ra} \\ \text{(B)} \end{matrix}$$

Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động mua bán vàng, bạc, đá quý là 20%, đối với hoạt động mua bán ngoại tệ là 10%.

a) Đối với kinh doanh ngoại tệ: Hoạt động kinh doanh ngoại tệ là hoạt động mua và bán ngoại tệ. Cơ sở phải kê khai tính thuế riêng hoạt động này theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng. Giá trị gia tăng của hoạt động kinh doanh ngoại tệ bằng = (A) - (B), trong đó:

(A): Doanh số bán ra là tổng số tiền tính bằng Đồng Việt Nam thu được từ bán ngoại tệ.

$$\text{(B) Doanh số mua vào tương ứng} = \begin{matrix} \text{Số ngoại} \\ \text{tệ bán} \end{matrix} \times \begin{matrix} \text{Tỷ giá mua thực} \\ \text{tế bình quân} \\ \text{(1)} \end{matrix}$$

$$(1) = \frac{\text{Số dư mua ngoại tệ đầu kỳ} + \text{Doanh số mua vào trong kỳ}}{\text{Số ngoại tệ đầu kỳ} + \text{Số ngoại tệ mua trong kỳ}}$$

Hàng tháng, các đơn vị phải mở sổ sách hạch toán chi tiết giá mua, bán thực tế, lượng mua, bán của từng loại ngoại tệ. Trường hợp bán trước ngoại tệ thì khi xác định doanh số mua vào tương ứng căn cứ vào tỷ giá mua thực tế bình quân của tháng đó, nếu trong tháng không có thì lấy tỷ giá thực tế bình quân tháng trước.

Trường hợp chênh lệch giữa doanh số bán ngoại tệ với doanh số mua vào tương ứng là số âm thì được chuyển chênh lệch âm sang tháng sau để trừ vào giá trị gia tăng tháng sau. Việc bù trừ chỉ được áp dụng đối với các tháng trong cùng một năm (tính theo năm dương lịch hoặc năm tài chính đã cho phép).

Ví dụ: Trong kỳ tính thuế ở một ngân hàng có kinh doanh mua bán ngoại tệ (giả định hạch toán được riêng hoạt động này):

- Tổng quỹ	100.000 USD	tính theo tiền Việt Nam	= 130 triệu đồng
- Mua trong kỳ	50.000 USD	trả bằng tiền Việt Nam	= 70 triệu đồng
- Bán trong kỳ	80.000 USD	thu bằng tiền Việt Nam	= 115 triệu đồng

Xác định thuế giá trị gia tăng phải nộp như sau:

+ Doanh số ngoại tệ mua vào tương ứng với 80.000 USD bán ra là 80.000 USD mua vào tính theo giá bình quân gia quyền của tồn ngân ngoại tệ và mua vào trong kỳ là:

$$\frac{130 \text{ tr.đ} + 70 \text{ tr.đ}}{100.000 \text{ USD} + 50.000 \text{ USD}} \times 80.000 \text{ USD} = 106 \text{ tr.đồng}$$

+ Thuế giá trị gia tăng phải nộp:

$$(115 \text{ tr.đ} - 106 \text{ tr.đ}) \times 10\% = 0,9 \text{ triệu đồng.}$$

b) Đối với kinh doanh vàng, bạc, đá quý:

Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp đối với kinh doanh vàng, bạc, đá quý áp dụng tương tự như đối với kinh doanh ngoại tệ.

Trường hợp cơ sở kinh doanh tín dụng có hoạt động chế tác vàng, bạc, đá quý, nếu hạch toán riêng được hoạt động chế tác thì áp dụng tính thuế theo phương pháp khấu trừ và áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 10%; nếu không hạch toán riêng được thì áp dụng tính chung vào hoạt động kinh doanh mua bán theo phương pháp tính thuế trực tiếp trên giá trị gia tăng, theo thuế suất 20%.

III. ĐĂNG KÝ KÊ KHAI NỘP THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Các tổ chức tín dụng được phép hoạt động phù hợp theo quy định của pháp luật có hoạt động kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng là đối tượng phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng, cụ thể như sau:

1. Các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh độc lập phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng tại địa phương nơi đóng trụ sở (địa phương nêu trong Thông tư này được xác định là tỉnh, thành phố):

2. Trường hợp các tổ chức tín dụng nêu trên mở các chi nhánh; đơn vị phụ thuộc tại các tỉnh, thành phố thì các chi nhánh, đơn vị phụ thuộc này phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng tại Cục Thuế tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở. Các chi nhánh, đơn vị phụ thuộc các tổ chức tín dụng tại các tỉnh, thành phố có trách nhiệm kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng chung cho các đơn vị phụ thuộc cấp dưới (như các quầy giao dịch, phòng giao dịch...).

Ví dụ: Tổ chức tín dụng X có 3 chi nhánh A, B, C ở tỉnh Y thì 3 chi nhánh này là đối tượng phải kê khai, nộp thuế tại Cục Thuế tỉnh Y. Nếu chi nhánh A mở tiếp các đơn vị phụ thuộc a, b, c thì a, b, c chỉ có nghĩa vụ lập bảng kê thuế đầu ra, thuế đầu vào gửi về chi nhánh A và chi nhánh A phải có trách nhiệm kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng chung cho toàn bộ hàng hóa, dịch vụ trong kỳ (bao gồm cả các đơn vị a, b, c).

Các đối tượng phải kê khai nộp thuế giá trị gia tăng nêu tại Thông tư này chịu trách nhiệm kê

khai nộp thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế do cơ sở kinh doanh theo các mẫu số 1/TD, 1a, 1b, 1c kèm theo Thông tư này (*).

Tại các chi nhánh, đơn vị phụ thuộc các tổ chức tín dụng nếu có các đơn vị phụ thuộc cấp dưới thì các đơn vị này chỉ phải lập các mẫu 1a, 1b, 1c thành 2 bản: 1 bản lưu tại đơn vị, 1 bản gửi cho chi nhánh, đơn vị cấp trên chậm nhất là trong năm ngày đầu của tháng tiếp theo.

Các tờ khai tại các mẫu số 1/TD, 1a, 1b, 1c nêu trên được lập tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh; đơn vị phụ thuộc các tổ chức tín dụng hàng tháng và gửi cho cơ quan thuế chậm nhất trong mười ngày đầu của tháng tiếp theo. Đối với các chi nhánh; đơn vị phụ thuộc có các đơn vị cấp dưới thì phải lập tờ khai theo các mẫu 1a, 1b, 1c đối với hàng hóa, dịch vụ tại chi nhánh và tổng hợp các đơn vị phụ thuộc cấp dưới để lập tờ khai theo mẫu số 1/TD.

IV. HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ

Hóa đơn, chứng từ mua bán vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ thực hiện theo quy định tại mục IV Thông tư số 89/1998/TT-BTC ngày 27/6/1998 của Bộ Tài chính.

1. Đối với hoạt động bán ngoại tệ: Khi bán ngoại tệ, đơn vị phải xuất hóa đơn bán hàng. Trường hợp bán ngoại tệ bằng chuyển khoản thì đơn vị theo dõi lập bảng kê chi tiết về doanh số bán từng loại ngoại tệ, cuối tháng thực hiện xuất hóa đơn để làm căn cứ xác định ngoại tệ bán.

2. Đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ ngân hàng: Khi thu phí dịch vụ, đơn vị phải xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Trường hợp sử dụng các chứng từ thanh toán như hiện hành nếu bổ sung thêm nội dung mã số thuế, số tiền phí dịch vụ, thuế giá trị gia tăng và tổng số tiền thanh toán thì cũng được coi là hóa đơn giá trị gia tăng.

3. Đối với cơ sở kinh doanh mua các mặt hàng là

vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ của cá nhân không kinh doanh nếu không có hóa đơn theo chế độ quy định thì cũng được lập bảng kê hàng hóa mua vào theo mẫu 04/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 89/1998/TT-BTC của Bộ Tài chính nêu trên. Hàng hóa mua vào trong trường hợp này được tính vào doanh số mua để tính giá trị gia tăng và thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.

4. Trường hợp các giao dịch mua bán ngoại tệ phát sinh trong nước nhất thiết phải lập hóa đơn bán ngoại tệ theo quy định. Trường hợp mua ngoại tệ phát sinh ở nước ngoài, các ngân hàng phải mở sổ sách hạch toán riêng giá mua và lưu trữ các chứng từ gốc qua giao dịch với bên nước ngoài theo đúng quy định tại Pháp lệnh Kế toán thống kê và Chế độ kế toán hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 1 năm 1999. Các vấn đề khác không hướng dẫn trong Thông tư này thì thực hiện theo Thông tư số 89/1998/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng.

2. Các ngân hàng và tổ chức tín dụng có các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện việc kê khai tính thuế, nộp thuế giá trị gia tăng theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có gì vướng mắc, đề nghị các đơn vị báo cáo về Bộ Tài chính để xem xét, quyết định./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

(*) Không in các mẫu